



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là vào ngày 2 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch
(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên
(từ ngày 23 tháng 6 năm 2017)

Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Ông Seokhee Won

Chủ tịch
(đến ngày 23 tháng 6 năm 2017)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng

Tổng Giám đốc
(từ ngày 28 tháng 2 năm 2018)

Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn
Ông Phạm Đình Toại
Ông Nguyễn Anh Nguyên
Bà Đinh Kim Nhung
Ông Lê Trung Thành

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

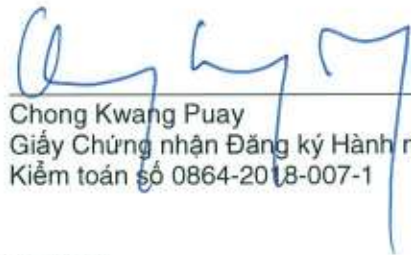
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-406(b)

Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Chong Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.793.075.753.348	11.519.694.860.637
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330
Tiền	111		82.888.074.249	113.124.921.330
Các khoản tương đương tiền	112		4.153.025.000.000	6.801.120.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		154.258.720.000	1.732.948.841.175
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	154.258.720.000	1.732.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		348.223.852.227	2.121.205.426.935
Phải thu của khách hàng	131	8	261.094.359.738	232.759.444.755
Trả trước cho người bán	132		48.438.835.310	61.482.083.206
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	1.663.716.876.592
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	38.698.246.885	164.464.049.739
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(7.589.706)	(1.217.027.357)
Hàng tồn kho	140	12	1.010.974.147.574	715.921.028.319
Hàng tồn kho	141		1.017.930.397.608	729.024.288.790
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.956.250.034)	(13.103.260.471)
Tài sản ngắn hạn khác	150		43.705.959.298	35.374.642.878
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.450.908.457	19.718.137.599
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.128.636.709	15.656.505.279
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.126.414.132	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		11.851.980.806.425	5.858.131.385.763
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.237.572.225.813	24.757.902.339
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	5.896.716.876.592	-
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	340.855.349.221	24.757.902.339
Tài sản cố định	220		4.412.933.243.930	4.444.692.083.576
Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.241.037.214.968	3.132.110.361.000
Nguyên giá	222		5.230.319.735.557	4.694.881.086.995
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.989.282.520.589)	(1.562.770.725.995)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.171.896.028.962	1.312.581.722.576
Nguyên giá	228		2.103.301.612.207	2.102.498.034.268
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(931.405.583.245)	(789.916.311.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		252.152.223.620	371.351.502.339
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	252.152.223.620	371.351.502.339
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		699.931.254.156	767.938.038.603
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	190.950.225.630	193.229.086.523
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	153.245.522.534	150.172.693.140
Lợi thế thương mại	269	18	355.735.505.992	424.536.258.940
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.645.056.559.773	17.377.826.246.400

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.313.229.100.033	5.449.387.898.339
Nợ ngắn hạn	310		5.947.095.673.192	4.942.371.387.944
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	801.573.550.158	708.987.463.602
Người mua trả tiền trước	312		35.712.183.790	18.887.115.066
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	224.311.703.039	312.750.964.401
Phải trả người lao động	314		24.501.018	4.383.144.705
Chi phí phải trả	315	21	893.632.037.512	958.703.296.344
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	581.121.178.228	27.461.089.550
Vay ngắn hạn	320	23(a)	3.387.677.592.708	2.887.958.787.537
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.042.926.739	23.239.526.739
Nợ dài hạn	330		366.133.426.841	507.016.510.395
Phải trả người bán dài hạn	331	19	78.525.018.000	88.334.503.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	20.821.499.726	22.360.630.839
Vay dài hạn	338	23(b)	95.998.319.156	209.856.177.246
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	157.986.259.876	177.354.781.060
Dự phòng phải trả dài hạn	342		12.802.330.083	9.110.418.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.331.827.459.740	11.928.438.348.061
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.331.827.459.740	11.928.438.348.061
Vốn cổ phần	411	25	5.431.327.770.000	5.381.601.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.431.327.770.000	5.381.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		2.951.013.886	(2.253.725.216)
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.226.022.362.372	2.434.650.312.379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		93.929.785.879	326.210.121.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.132.092.576.493	2.108.440.190.667
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		466.766.233.907	909.680.511.323
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.645.056.559.773	17.377.826.246.400


 Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


 Phạm Đình Toại
 Quyền Giám đốc Tài chính


 Người duyệt
 Trương Công Thăng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	13.422.926.705.427	13.971.502.083.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	209.286.432.011	181.742.640.558
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	13.213.640.273.416	13.789.759.442.477
Giá vốn hàng bán	11	29	7.181.058.837.278	7.539.940.954.915
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.032.581.436.138	6.249.818.487.562
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	456.988.463.034	486.486.717.049
Chi phí tài chính	22	31	135.642.808.146	120.181.485.914
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>131.876.543.711</i>	<i>117.857.140.158</i>
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		5.318.434.000	6.648.042.500
Chi phí bán hàng	25	32	3.013.408.048.716	2.619.544.147.421
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	721.475.937.145	840.490.029.516
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		2.624.361.539.165	3.162.737.584.260
Thu nhập khác	31		1.340.161.739	3.946.391.087
Chi phí khác	32		3.734.128.540	3.831.459.210
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.393.966.801)	114.931.877
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.621.967.572.364	3.162.852.516.137
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	398.411.246.861	432.682.942.969
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(22.441.350.578)	(60.942.674.227)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		2.245.997.676.081	2.791.112.247.395

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		2.245.997.676.081	2.791.112.247.395
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		2.131.847.621.907	2.679.382.871.020
Cổ đông không kiểm soát	62		114.150.054.174	111.729.376.375
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.080	5.165

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


 Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng


 Phạm Đình Toại
 Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt


 Trương Công Thắng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.621.967.572.364	3.162.852.516.137
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	674.245.273.989	684.365.934.207
Các khoản dự phòng	03	30.761.091.598	52.262.080.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	465.899.740	88.494.016
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	2.012.204.594	1.935.134.443
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(453.172.625.151)	(480.348.042.703)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(5.318.434.000)	(6.648.042.500)
Chi phí lãi vay	06	131.876.543.711	117.857.140.158
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.002.837.526.845	3.532.365.214.493
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(39.021.357.334)	42.648.772.998
Biến động hàng tồn kho	10	(322.145.799.020)	34.018.360.660
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(17.270.444.352)	(108.318.131.689)
Biến động chi phí trả trước	12	35.077.038.825	25.963.823.781
		2.659.476.964.964	3.526.678.040.243
Tiền lãi vay đã trả	14	(128.967.211.624)	(115.044.203.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(417.362.885.649)	(431.051.744.862)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(196.600.000)	(12.840.046.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	2.112.950.267.691	2.967.742.045.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(489.808.473.401)	(634.843.683.452)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	1.848.263.994	3.863.456.185
Tiền chi cho vay và các hoạt động đầu tư khác	23	(6.820.405.000.000)	(3.559.078.712.592)
Tiền thu hồi các khoản cho vay và các hoạt động đầu tư khác	24	1.400.000.000.000	6.735.714.068.000
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(2.273.376.720.000)	(41.036.269.841.175)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	3.852.066.841.175	39.303.321.000.000
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	-	(773.433.922.965)
Mua một công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	-	(11.555.624.763)
Tiền thu cổ tức trước ngày mua nhận được từ một công ty liên kết	26	-	5.410.434.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27	255.682.931.659	724.885.024.521
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(4.073.992.156.573)	758.012.197.759
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	49.726.600.000	30.000.000.000
Tiền thu từ vốn góp vào một công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31	-	134.010
Tiền chi mua lại cổ phiếu tại một công ty con	32	(247.200.000)	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	7.798.314.906.822	8.481.450.471.251
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(7.412.453.959.741)	(7.682.156.882.445)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.157.089.232.500)	(1.005.198.769.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(721.748.885.419)	(175.905.046.384)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.682.790.774.301)	3.549.849.197.176
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	4.369.156.614	(14.167.886)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	89.770.606	(2.253.729.880)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2017	2016
	VND	VND
Cần trừ cổ tức phải trả với khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Trương Công Thắng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (i)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	-	100%	-	100%
Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Các công ty con sở hữu gián tiếp						
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (ii)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(ii) Sản xuất gia vị	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	(ii) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(ii) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	(ii) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(ii) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	68,46%	68,46%	68,46%	68,46%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	88,56%	88,56%	88,56%	88,56%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iv) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	88,55%	88,55%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	65,85%	65,68%	65,85%	65,68%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	(v) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	58,19%	58,19%	85%	85%
Một công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(ii) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 7/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã thông qua và chấp thuận việc giải thể MDN. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn chưa góp vốn vào và quá trình giải thể MDN đã được hoàn tất.
- (ii) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iv) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (v) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 4.382 nhân viên (1/1/2017: 4.625 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 – 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 8 năm đến 30 năm.

(iv) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) *Vốn chủ sở hữu*

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) *Cổ phiếu quỹ*

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.294.071.048.560	3.833.707.907.972	4.079.256.392.751	6.604.924.133	13.213.640.273.416
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.799.817.614.902	1.555.970.296.881	1.673.487.896.768	3.305.627.587	6.032.581.436.138
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.815.542.378.157	462.679.492.591	363.725.232.242	3.305.627.587	2.645.252.730.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(342.236.846.300)
Doanh thu hoạt động tài chính					456.988.463.034
Chi phí tài chính					(135.642.808.146)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					2.624.361.539.165
Thu nhập khác					1.340.161.739
Chi phí khác					(3.734.128.540)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(375.969.896.283)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.245.997.676.081

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.929.762.801.607	3.684.213.605.945	4.159.968.086.897	15.814.948.028	13.789.759.442.477
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.227.439.094.975	1.396.930.220.837	1.620.108.969.229	5.340.202.521	6.249.818.487.562
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.303.210.024.677	585.704.199.827	340.759.488.342	5.340.202.521	3.235.013.915.367
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(438.581.562.242)
Doanh thu hoạt động tài chính					486.486.717.049
Chi phí tài chính					(120.181.485.914)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					3.162.737.584.260
Thu nhập khác					3.946.391.087
Chi phí khác					(3.831.459.210)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(371.740.268.742)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.791.112.247.395

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm phân bổ lợi thế thương mại với số tiền là 68.801 triệu VND (2016: 67.668 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 99.380 triệu VND (2016: 150.125 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 18.724 triệu VND (2016: 24.705 triệu VND) trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	2.121.779.688.936	1.312.938.157.237	2.657.484.292.677	6.092.202.138.850
Tài sản không phân bổ				11.552.854.420.923
Tổng tài sản				17.645.056.559.773
Nợ phải trả bộ phận	162.634.420.955	242.830.882.104	1.247.805.815.031	1.653.271.118.090
Nợ phải trả không phân bổ				4.659.957.981.943
Tổng nợ phải trả				6.313.229.100.033
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Chi tiêu vốn	321.286.774.303	65.252.920.842	50.009.342.633	436.549.037.778
Chi tiêu vốn không phân bổ				60.801.639.940
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	217.942.856.506	92.844.229.662	138.257.042.534	449.044.128.702
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				14.145.343.771
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	4.920.054.479	15.985.005.807	177.701.447.217	198.606.507.503
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				53.347.290.176

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017				
Tài sản bộ phận	1.875.082.609.128	1.356.020.120.800	2.783.135.920.430	6.014.238.650.358
Tài sản không phân bổ				11.363.587.596.042
Tổng tài sản				17.377.826.246.400
Nợ phải trả bộ phận	181.934.564.179	170.732.625.606	702.777.024.481	1.055.444.214.266
Nợ phải trả không phân bổ				4.393.943.684.073
Tổng nợ phải trả				5.449.387.898.339
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Chi tiêu vốn	318.695.966.674	53.310.673.834	128.398.417.563	500.405.058.071
Chi tiêu vốn không phân bổ				220.675.756.456
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	178.152.639.224	108.019.559.648	123.621.072.455	409.793.271.327
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				14.039.906.819
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	5.510.165.970	21.399.760.419	226.167.066.610	253.076.992.999
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				48.754.062.252

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	154.258.720.000	1.732.948.841.175
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	275.936.245.323	2.029.920.765.380
Hàng tồn kho	130.885.289.948	103.734.755.658
Tài sản ngắn hạn khác	9.478.308.181	11.967.257.413
Các khoản phải thu dài hạn thuần	6.237.572.225.813	24.757.902.339
Tài sản cố định	254.612.406.562	278.110.907.616
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.309.258.685	22.495.594.849
Tài sản dài hạn khác	245.888.892.162	245.406.650.282
	<hr/>	<hr/>
Tài sản không phân bổ	11.552.854.420.923	11.363.587.596.042
	<hr/>	<hr/>
Phải trả người bán ngắn hạn	131.742.947.085	155.692.783.011
Người mua trả tiền trước	15.951.247.994	9.862.385.864
Thuế phải nộp Nhà nước	215.304.122.304	266.538.737.389
Phải trả người lao động	16.907.555	14.847.747
Chi phí phải trả	632.578.085.243	664.106.554.350
Phải trả ngắn hạn khác	22.702.500.022	20.934.183.491
Vay ngắn hạn	3.387.677.592.708	2.887.958.787.537
Phải trả dài hạn khác	-	1.624.446.378
Vay dài hạn	95.998.319.156	209.856.177.246
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	157.986.259.876	177.354.781.060
	<hr/>	<hr/>
Nợ phải trả không phân bổ	4.659.957.981.943	4.393.943.684.073
	<hr/>	<hr/>

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Giao dịch với cổ đông không kiểm soát

Mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Trong năm, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty, đã mua lại 20.600 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với số tiền là 247 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong QNW đã tăng từ 65,68% lên 65,85%, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	VND
Chi phí mua lại bằng tiền	247.200.000
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần tăng thêm	(492.154.586)
	244.954.586
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	244.954.586

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.296.649.680	2.064.520.061
Tiền gửi ngân hàng	81.591.424.569	111.060.401.269
Các khoản tương đương tiền	4.153.025.000.000	6.801.120.000.000
	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4.235.913.074.249	6.914.244.921.330

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	154.258.720.000	1.732.948.841.175
	154.258.720.000	1.732.948.841.175

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	Số lượng cổ phiếu	31/12/2017 % sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	1/1/2017 % sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào một công ty liên kết:						
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”). Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	5.318.434.000
Cô tức phải thu từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(5.318.434.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	-	5.644.586
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	46.477.916.828	31.752.716.796
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	1.906.695.091	3.833.035.010
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	22.592.926.130	-
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	20.198.243.738	-
	_____	_____

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ một bên liên quan		
▪ Ngắn hạn	-	1.663.716.876.592
▪ Dài hạn	5.896.716.876.592	-
	_____	_____

Phải thu về cho vay dài hạn không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các hợp đồng vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan		
▪ Lãi dự thu (*)	-	114.905.802.559
▪ Phải thu khác	-	11.546.396.400
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	9.545.537.923	26.870.375.441
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.976.745.630	3.932.192.910
Phải thu khác	7.175.963.332	7.209.282.429
	38.698.246.885	164.464.049.739

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	335.038.767.569	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.816.581.652	24.757.902.339
	340.855.349.221	24.757.902.339

(*) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phát sinh từ khoản vay Tập đoàn cấp cho một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 9 và 36 để biết thêm thông tin.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	31/12/2017			1/1/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
0 – 30 ngày	36.838.920.894	-	36.838.920.894	43.712.307.539	-	43.712.307.539
31 – 180 ngày	19.580.544.666	-	19.580.544.666	562.712.024	-	562.712.024
181 – 365 ngày	33.200.323	-	33.200.323	119.942.347	(4.553.821)	115.388.526
Trên 365 ngày	15.179.401	(7.589.706)	7.589.695	1.283.068.350	(1.212.473.536)	70.594.814
	<u>56.467.845.284</u>	<u>(7.589.706)</u>	<u>56.460.255.578</u>	<u>45.678.030.260</u>	<u>(1.217.027.357)</u>	<u>44.461.002.903</u>
Dự phòng phải thu khó đòi		<u>(7.589.706)</u>			<u>(1.217.027.357)</u>	

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.217.027.357	805.801.581
Tăng dự phòng trong năm	-	611.371.481
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.185.937.651)	(58.476.340)
Hoàn nhập	(23.500.000)	(141.669.365)
Số dư cuối năm	<u>7.589.706</u>	<u>1.217.027.357</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	52.156.943.848	-	23.020.158.807	-
Nguyên vật liệu	579.492.610.142	(1.166.227.003)	350.142.495.576	(9.590.373.377)
Công cụ và dụng cụ	76.197.364.169	-	71.745.888.578	-
Sản phẩm dở dang	76.069.236.191	-	67.061.968.283	-
Thành phẩm	228.837.186.075	(5.783.610.499)	212.346.462.681	(3.512.887.094)
Hàng hóa	5.177.057.183	(6.412.532)	4.707.314.865	-
	1.017.930.397.608	(6.956.250.034)	729.024.288.790	(13.103.260.471)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	13.103.260.471	16.622.900.983
Tăng dự phòng trong năm	28.838.750.368	49.109.986.107
Sử dụng dự phòng trong năm	(33.239.690.202)	(48.249.539.256)
Hoàn nhập	(1.746.070.603)	(4.380.087.363)
Số dư cuối năm	6.956.250.034	13.103.260.471

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 6.956 triệu VND (1/1/2017: 13.103 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.324.954.035.367	62.791.110.984	63.408.917.510	3.211.564.534.175	32.162.488.959	4.694.881.086.995
Tăng trong năm	139.774.241	-	147.915.454	2.427.925.149	75.821.200	2.791.436.044
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	119.933.500.606	-	5.192.954.052	447.813.453.040	203.957.522	573.143.865.220
Thanh lý	(4.105.775.277)	-	(335.304.545)	(25.890.516.029)	(4.636.998.416)	(34.968.594.267)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	-	(2.635.915.146)	(534.165.615)	-	(5.528.058.435)
Phân loại lại	(1.876.249.030)	-	-	1.876.249.030	-	-
Số dư cuối năm	1.436.687.308.233	62.791.110.984	65.778.567.325	3.637.257.479.750	27.805.269.265	5.230.319.735.557
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	234.785.355.878	19.484.246.535	32.794.245.843	1.258.023.912.009	17.682.965.730	1.562.770.725.995
Khấu hao trong năm	77.170.019.006	10.451.709.071	7.630.751.809	364.024.457.452	3.912.535.135	463.189.472.473
Thanh lý	(2.923.311.559)	-	(335.304.545)	(23.703.850.321)	(4.231.085.579)	(31.193.552.004)
Xóa sổ	(2.357.977.674)	-	(2.617.170.086)	(508.978.115)	-	(5.484.125.875)
Phân loại lại	(46.906.227)	-	-	46.906.227	-	-
Số dư cuối năm	306.627.179.424	29.935.955.606	37.472.523.021	1.597.882.447.252	17.364.415.286	1.989.282.520.589
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.090.168.679.489	43.306.864.449	30.614.671.667	1.953.540.622.166	14.479.523.229	3.132.110.361.000
Số dư cuối năm	1.130.060.128.809	32.855.155.378	28.306.044.304	2.039.375.032.498	10.440.853.979	3.241.037.214.968

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 389.228 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 303.992 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 11.261 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 11.261 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền khai thác VND	Thương hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	290.444.510.787	117.800.213.296	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.102.498.034.268
Tăng trong năm	-	1.069.892.667	-	-	-	-	1.069.892.667
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	395.592.000	145.364.052	-	-	-	540.956.052
Xóa sổ	-	(807.270.780)	-	-	-	-	(807.270.780)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	291.102.724.674	117.945.577.348	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.103.301.612.207
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	26.068.492.542	63.380.703.674	7.817.687.894	318.335.873.925	344.785.103.101	29.528.450.556	789.916.311.692
Khấu hao trong năm	3.794.039.303	35.413.614.661	6.081.016.584	66.892.868.504	8.138.841.240	21.934.668.276	142.255.048.568
Xóa sổ	-	(765.777.015)	-	-	-	-	(765.777.015)
Số dư cuối năm	29.862.531.845	98.028.541.320	13.898.704.478	385.228.742.429	352.923.944.341	51.463.118.832	931.405.583.245
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	93.017.325.860	227.063.807.113	109.982.525.402	440.018.942.646	59.329.808.600	383.169.312.955	1.312.581.722.576
Số dư cuối năm	89.223.286.557	193.074.183.354	104.046.872.870	373.126.074.142	51.190.967.360	361.234.644.679	1.171.896.028.962

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 12.313 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 12.270 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND
Số dư đầu năm	371.351.502.339
Tăng trong năm	485.775.571.467
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(573.143.865.220)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(540.956.052)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(31.290.028.914)
	252.152.223.620
	252.152.223.620

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhà cửa	14.065.705.531	62.320.901.859
Máy móc và thiết bị	234.781.043.000	307.133.072.485
Phần mềm máy vi tính	3.246.249.258	197.379.408
Khác	59.225.831	1.700.148.587
	252.152.223.620	371.351.502.339
	252.152.223.620	371.351.502.339

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có chi phí xây dựng cơ bản dở dang nào của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn (2016: 7.251 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	85.372.636.895	28.209.340.381	79.647.109.247	193.229.086.523
Tăng trong năm	-	-	7.520.704.317	7.520.704.317
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.432.979.833	-	28.857.049.081	31.290.028.914
Phân bổ trong năm	(2.131.404.558)	(3.134.371.152)	(35.678.148.242)	(40.943.923.952)
Thanh lý	-	-	(205.330.251)	(205.330.251)
Phân loại lại	(4.856.782)	-	4.856.782	-
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	59.660.079	59.660.079
Số dư cuối năm	85.669.355.388	25.074.969.229	80.205.901.013	190.950.225.630

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2017		1/1/2017	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	109.894.922.823	-	105.248.849.406	-
Chi phí kho vận	13.788.420.646	-	17.374.503.772	-
Chiết khấu thương mại	6.441.407.777	-	5.161.030.851	-
Chi phí khác	16.263.544.537	-	18.846.737.999	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.857.226.751	-	3.541.571.112	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(2.650.137.072)	-	(5.546.199.648)
Tài sản cố định vô hình	-	(155.336.122.804)	-	(171.808.581.412)
	153.245.522.534	(157.986.259.876)	150.172.693.140	(177.354.781.060)

18. Lợi thế thương mại

	2017 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	693.961.414.227
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	269.425.155.287
Phân bổ trong năm	68.800.752.948
Số dư cuối năm	338.225.908.235
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	424.536.258.940
Số dư cuối năm	355.735.505.992

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	801.573.550.158	801.573.550.158	708.987.463.602	708.987.463.602
Dài hạn	78.525.018.000	78.525.018.000	88.334.503.000	88.334.503.000
	<u>880.098.568.158</u>	<u>880.098.568.158</u>	<u>797.321.966.602</u>	<u>797.321.966.602</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	409.681.308	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	49.500.000	-
	<u>459.181.308</u>	<u>-</u>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	142.285.775.265	2.132.269.772.327	(518.849.895.139)	(1.685.129.122.141)	1.469.215.712	72.045.746.024
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.170.129.041	(10.170.129.041)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.922.388.261	398.411.246.861	(417.362.885.649)	-	1.657.198.420	148.627.947.893
Thuế thu nhập cá nhân	3.257.586.774	47.676.555.118	(46.595.947.905)	(1.787.791.243)	-	2.550.402.744
Các loại thuế khác	1.285.214.101	104.265.571.007	(102.615.810.355)	(1.847.368.375)	-	1.087.606.378
	312.750.964.401	2.692.793.274.354	(1.095.594.668.089)	(1.688.764.281.759)	3.126.414.132	224.311.703.039

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	570.590.834.872	572.533.158.360
Chi phí kho vận	74.505.500.282	92.335.239.793
Chi phí trung bày	15.855.033.925	19.595.353.810
Thưởng và lương tháng 13	85.716.216.827	88.970.497.961
Chiết khấu thương mại	37.228.040.655	29.710.794.483
Chi phí nghiên cứu thị trường	19.597.265.927	16.534.099.796
Chi phí lãi vay	8.696.317.975	5.786.985.888
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.293.959.972	26.528.811.619
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	15.878.108.053	29.565.152.100
Chi phí công nghệ thông tin	14.910.270.008	17.931.285.060
Chi phí khác	41.360.489.016	59.211.917.474
	<hr/>	<hr/>
	893.632.037.512	958.703.296.344
	<hr/>	<hr/>

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	15.717.691.116	12.599.617.645
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.817.633.596	5.108.373.944
Cổ tức phải trả	555.872.942.000	3.074.462.000
Phải trả khác	6.712.911.516	6.678.635.961
	<hr/>	<hr/>
	581.121.178.228	27.461.089.550
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	20.821.499.726	22.360.630.839
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.804.302.605.157	2.804.302.605.157	7.743.458.724.442	(7.214.939.919.271)	3.332.821.410.328	3.332.821.410.328
Vay dài hạn đến hạn trả	83.656.182.380	83.656.182.380	54.856.182.380	(83.656.182.380)	54.856.182.380	54.856.182.380
	<u>2.887.958.787.537</u>	<u>2.887.958.787.537</u>	<u>7.798.314.906.822</u>	<u>(7.298.596.101.651)</u>	<u>3.387.677.592.708</u>	<u>3.387.677.592.708</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	5,00% - 5,50%	399.546.993.783	453.236.733.465
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,42% - 5,50%	2.933.274.416.545	2.351.065.871.692
			3.332.821.410.328	2.804.302.605.157

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	150.854.501.536	293.512.359.626
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(54.856.182.380)	(83.656.182.380)
Hoàn trả sau 12 tháng	95.998.319.156	209.856.177.246

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn					
▪ Khoản vay có đảm bảo	VND	9,0%	2020	150.854.501.536	293.512.359.626

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 615.689 triệu VND (1/1/2017: tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ lần lượt là 816.233 triệu VND và 3.306 triệu VND).

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	-	22.731.972.844	2.984.708.427.270	1.274.377.326.585	12.815.447.003.430
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	30.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.679.382.871.020	111.729.376.375	2.791.112.247.395
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.896.096.655.200)	-	(2.896.096.655.200)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	-	(967.126.924)	(616.625.077)	(1.583.752.001)
Mua thêm từ NCI	-	-	-	-	-	-	(332.377.308.207)	(477.190.588.281)	(809.567.896.488)
Bán cho NCI mà không thay đổi quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	104.420	205.380	309.800
Mua công ty con có lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	1.380.686.995	1.380.686.995
Góp vốn vào một công ty con của NCI	-	-	-	-	-	-	-	134.010	134.010
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(2.253.725.216)	-	-	(4.664)	(2.253.729.880)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	(2.253.725.216)	22.731.972.844	2.434.650.312.379	909.680.511.323	11.928.438.348.061

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	(2.253.725.216)	22.731.972.844	2.434.650.312.379	909.680.511.323	11.928.438.348.061
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	49.726.600.000	-	-	-	-	-	-	-	49.726.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.131.847.621.907	114.150.054.174	2.245.997.676.081
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.340.720.526.500)	-	(2.340.720.526.500)
Mua cổ phiếu tại một công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	244.954.586	(492.154.586)	(247.200.000)
Cổ tức công bố bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(556.572.186.000)	(556.572.186.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	5.204.739.102	-	-	8.996	5.204.748.098
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.431.327.770.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	2.951.013.886	22.731.972.844	2.226.022.362.372	466.766.233.907	11.331.827.459.740

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	543.132.777	5.431.327.770.000	538.160.117	5.381.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	525.132.777	5.251.327.770.000	520.160.117	5.201.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần		5.088.056.394.992		5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của vốn cổ phần hiện đang lưu hành như sau:

	2017		2016	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	4.972.660	49.726.600.000	3.000.000	30.000.000.000
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	525.132.777	5.251.327.770.000	520.160.117	5.201.601.170.000

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.340.721 triệu VND (2016: 2.896.097 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	68.171.420.108	130.627.053.331
Trong vòng 2 đến 5 năm	34.583.920.018	105.726.617.900
	102.755.340.126	236.353.671.231

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	68.009	1.541.076.916	616.066	13.997.015.659
THB	84.093.681	56.931.421.922	97.959.692	60.637.049.233
		58.472.498.838		74.634.064.892

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	34.772.517.932	260.303.831.552
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	59.105.280.099	125.949.862.404
	93.877.798.031	386.253.693.956

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	13.387.481.139.058	13.932.802.827.746
▪ Doanh thu khác	35.445.566.369	38.699.255.289
	13.422.926.705.427	13.971.502.083.035
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	119.637.550.845	129.354.512.110
▪ Hàng bán bị trả lại	89.648.881.166	52.388.128.448
	209.286.432.011	181.742.640.558
Doanh thu thuần	13.213.640.273.416	13.789.759.442.477

29. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	7.101.751.091.727	7.444.564.708.089
▪ Giá vốn khác	52.215.065.786	50.646.348.082
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27.092.679.765	44.729.898.744
	7.181.058.837.278	7.539.940.954.915

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	214.047.422.698	310.130.343.695
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	220.132.965.010	114.905.802.559
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư cho vay khác	18.992.237.443	55.311.896.449
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.815.837.883	3.617.735.128
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	-	2.509.420.890
Thu nhập khác	-	11.518.328
	456.988.463.034	486.486.717.049

31. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	131.876.543.711	117.857.140.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.766.264.435	2.243.573.433
Chi phí khác	-	80.772.323
	135.642.808.146	120.181.485.914

32. Chi phí bán hàng

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.058.692.697.367	1.651.243.161.739
Chi phí kho vận	510.524.903.640	574.860.334.364
Chi phí nhân viên	271.109.257.566	278.924.620.729
Chi phí trung bày	87.993.128.341	40.237.657.913
Chi phí nghiên cứu thị trường	49.294.638.984	24.364.413.803
Chi phí khác	35.793.422.818	49.913.958.873
	3.013.408.048.716	2.619.544.147.421

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	234.320.300.793	272.314.162.990
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	118.104.446.087	174.829.829.682
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	107.771.402.668	130.636.650.920
Phân bổ lợi thế thương mại	68.800.752.948	67.668.415.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.799.939.488	58.377.753.606
Chi phí thuê văn phòng	51.183.011.983	50.502.129.664
Chi phí nghiên cứu và phát triển	13.930.816.202	32.098.863.136
Chi phí khác	62.565.266.976	54.062.224.365
	721.475.937.145	840.490.029.516

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	369.263.690.931	432.202.862.289
Dự phòng thiếu trong những năm trước	29.147.555.930	480.080.680
	398.411.246.861	432.682.942.969
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(15.811.983.211)	(60.942.674.227)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(6.629.367.367)	-
	(22.441.350.578)	(60.942.674.227)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	375.969.896.283	371.740.268.742

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.621.967.572.364	3.162.852.516.137
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	524.393.514.473	632.570.503.227
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(199.751.491.179)	(282.158.433.150)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(1.063.686.798)	(1.329.608.500)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.211.913.869	3.449.838.134
Dự phòng thiếu trong những năm trước	29.147.555.930	480.080.680
Lỗi tính thuế được sử dụng	(213.273.480)	-
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	13.760.150.587	13.533.683.031
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	4.485.212.881	5.194.205.320
	375.969.896.283	371.740.268.742

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% từ năm 2016 trở đi.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm là 2.131.848 triệu VND (2016: 2.679.383 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 522.530.645 (2016: 518.746.418), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.131.847.621.907	2.679.382.871.020

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	520.160.117	517.160.117
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	2.370.528	1.586.301
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	522.530.645	518.746.418

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.080	5.165

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	5.420.405.000.000	3.559.078.712.592	5.896.716.876.592	1.663.716.876.592
	Thu hồi khoản cho vay	-	6.100.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cân trừ với cổ tức phải trả	1.187.405.000.000	1.889.261.836.000	-	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	220.132.965.010	114.905.802.559	335.038.767.569	114.905.802.559
	Cổ tức đã phân phối	2.270.686.203.000	2.799.261.836.000	-	-
	Trả cổ tức bằng tiền	1.083.281.203.000	910.000.000.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được trước ngày mua	-	5.410.434.000	-	-
	Cổ tức nhận sau ngày mua	5.318.443.000	6.648.042.500	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	30.145.786	39.439.978	-	5.644.586
	Mua hàng hóa	1.620.813.794	1.880.413.261	(409.681.308)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	816.513.690	1.153.360	10.614.490	-
	Phí hỗ trợ quản lý	42.212.820.014	28.990.613.560	46.467.302.338	31.752.716.796

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	177.621.475	34.422.542	-	6.107.257
	Phí hỗ trợ quản lý	1.733.359.174	3.479.025.231	1.906.695.091	3.826.927.753
	Mua hàng hóa	55.000.000	-	(49.500.000)	-
	Thanh toán hộ phí thuê đất	-	11.546.396.400	-	11.546.396.400
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa	96.707.481	-	16.698.000	-
	Phí hỗ trợ quản lý	22.385.193.556	-	22.576.228.130	-
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa	163.992.600	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	19.162.415.771	-	20.198.243.738	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	-	-	-	-
		22.505.992.606	29.984.910.463	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Trong tháng 2 năm 2018, MSB, một công ty con của Công ty đã hoàn tất việc mua lại 7.982.361 cổ phiếu của VCF. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong VCF đã tăng từ 68,46% lên 98,49%.

Ngày 7 tháng 3 năm 2018


Người lập:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Phạm Đình Toại
Quyền Giám đốc Tài chính


Trương Công Thăng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


M.S.D.N: 0302017440 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG
MASAN
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

